TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày 13 tháng 6 năm 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Kim Văn Quang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thái Hòa
2. Ông Trần Đường Tăng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2018/TLST- DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: Số 130 P, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Chu Thị N; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh V (vắng mặt).

2. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1990 (có mặt).

Đều có địa chỉ: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh V, số 115 đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn:

1. Bà Đào Thị G, sinh năm 1963 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T – Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã L (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại toà án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Đinh Thị H trình bày: Hội Liên Hiệp Phụ Nữ xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc hiện đang liên kết với ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh V để triển khai chương trình cho vay "Cùng Hội Phụ Nữ Vượt Khó". Thông qua Hội phụ nữ xã L, Ngân hàng Đ có cấp tín dụng cho khách hàng là bà Đào Thị G, sinh năm 1963 và ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963 (chồng bà G); đều có địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Hình thức cấp tín dụng là Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số: 0135518501T17001 ngày 05 tháng 5 năm 2017 và đến ngày 25 tháng 5 năm 2017, ngân hàng đã giải ngân thông qua tài khoản thẻ cho bà G và ông B với số tiền vay theo hợp đồng là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng)*; lãi suất 10%/năm; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2017 cho đến ngày 25 tháng 5 năm 2018; mục đích vay là để phục vụ chăn nuôi của vợ chồng bà G, ông B. Bà G đã được Ngân hàng Đ mở tài khoản thẻ số: 0108664554 với số tiền 20.000.000 đồng đứng tên chủ tài khoản Đào Thị G. Mỗi tháng bà G và ông B phải trả cho Ngân hàng Đ 1.835.000 đồng, bao gồm cả một phần tiền gốc và tiền lãi. Bà G và ông B không phải thế chấp tài sản gì để đảm bảo cho khoản vay. Quá trình thực hiện hợp đồng thì bà G và ông B đã trả được 11.229.605 đồng tiền gốc; tiền lãi trong hạn: 1.615.395 đồng. Tổng số tiền bà G và ông B đã trả được cho Ngân hàng Đ là 12.845.000 đồng (tiền gốc và tiền lãi được từ ngày 25 tháng 5 năm 2018 đến ngày 04 tháng 9 năm 2018). Từ ngày 04 tháng 9 năm 2018 thì bà G và ông B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Đ.

Tính đến hết ngày 12 tháng 6 năm 2019, vợ chồng bà G, ông B còn nợ Ngân hàng Đ tổng số tiền là 10.790.000 đồng, trong đó tiền gốc là 8.770.395 đồng; tiền lãi trong hạn 384.605 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.635.000 đồng.

Nay nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đề nghị Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng bà Đào Thị G và ông Nguyễn Văn B phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 10.790.000 đồng. Bà G và ông B còn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng.

Bị đơn bà Đào Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không thể yêu cầu bà G viết bản tự khai hay lấy lời khai của bà G theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đồng bị đơn trong vụ án ông Nguyễn Văn B tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 4 năm 2019, ông B trình bày: Ông thừa nhận chữ ký, chữ viết B, Nguyễn Văn B tại Giấy đề nghị vay vốn đề ngày 05 tháng 5 năm 2017 đúng là của mình. Trường hợp vợ chồng ông có vay vốn của Ngân hàng Đ thì vợ chồng ông sẽ thu xếp để trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 6 năm 2019, bà Tuyết trình bày: Bà là Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà thừa nhận việc Hội phụ nữ xã L liên kết với Ngân hàng Đ để thực

hiện việc cho các thành viên Hội phụ nữ xã L vay vốn của Ngân hàng Đ để phát triển kinh tế gia đình. Bản thân bà Đào thị G là thành viên Hội phụ nữ nên thuộc đối tượng được vay vốn của Ngân hàng Đ. Việc xác lập hợp đồng tín dụng giữa vợ chồng bà G, ông B với Ngân hàng Đ như thế nào thì Hội phụ nữ xã L không có liên quan gì. Hội phụ nữ chỉ có trách nhiệm đôn đốc việc thực hiện hợp đồng đối với bà G và ông B. Hội phụ nữ xã L không phải là người bảo lãnh để bà G, ông B thực hiện việc vay vốn của Ngân hàng Đ. Vì điều kiện công việc, nên bà xin Tòa án được giải quyết vắng mặt bà.

Nay Ngân hàng Thương Mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị G và ông Nguyễn Văn B thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm thời điểm xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thụ lý và thông báo về việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng trong vụ án; chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành và gửi thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định. Thẩm phán đã thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không kiến nghị gì về tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 351, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi số tiền gốc và lãi trên của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Nguyễn Văn B và bà Đào Thị G. Ông B, bà G phải thanh toán cho ngân hàng số tiền còn nợ tính đến 12/6/2019 tổng số tiền là 10.790.000 đồng (trong đó gốc là 8.770.395 đ, lãi trong hạn 384.605đ, lãi quá hạn 1.635.000đ) và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 13/6/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đào Thị G và ông Nguyễn Văn B thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy việc kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2]Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị G, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Tuyết đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều thuộc trường hợp đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và đã có

đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với bị đơn trong vụ án là bà Đào Thị G và ông Nguyễn Văn B quá trình giải quyết vụ án thì đều không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời bà G và ông B cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở để xác định quá trình thực hiện hợp đồng, bà G và ông B mới trả được tổng số tiền là 12.845.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 11.299.605đồng, lãi trong hạn là 1.615.395 đồng) tính từ ngày 25/5/2017 đến hết ngày 04/9/2018. Từ ngày 05/9/2018 thì bà G và ông B đã vi phạm hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi cho nguyên đơn. Tính đến hết 12/6/2019 thì ông B và bà G còn nợ nguyên đơn số tiền là 10.790.000 đồng, trong đó tiền gốc là 8.770.395 đồng; tiền lãi trong hạn 384.605 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.635.000 đồng. Mức lãi suất và số tiền lãi nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông B và bà G phải chịu là phù hợp quy định về lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng

Vì vậy việc nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đào Thị G,ông Nguyễn Văn B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Tổ; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Bà Đào Thị G và ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 280, 351, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc vợ chồng bà Đào Thị G, ông Nguyễn Văn B phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 10.790.000 đồng, trong đó tiền gốc là 8.770.395 đồng, lãi trong hạn là 384.605 đồng, lãi quá hạn là 1.635.000 đồng (Tiền lãi tính đến hết ngày 12 tháng 6 năm 2019). Bà Đào Thị G và ông Nguyễn Văn B còn phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA: 2017/0001988 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Bà Đào Thị G và ông Nguyễn Văn B phải chịu 539.000đ (năm trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thị hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thục hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Kim Văn Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: /2018/HNGĐ - ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2018
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÍCH LỤC BẢN ÁN DÂN SỰ

Tại Bản án số: /2018/HNGĐ - ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Phương Dung, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Mới, xã Tân Tiến, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Khu Tân Tiến, thị trấn Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Chu Văn Tâm, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Mới, xã Tân Tiến, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Cho chị Đoàn Thị Phương Dung được ly hôn với anh Chu Văn Tâm.

2. Chị Đoàn Thị Phương Dung được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chu Văn Quân, sinh ngày 28/7/2016 (hiện cháu đang ở với chị Dung). Anh Chu Văn Tâm không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về án phí:

Chị Đoàn Thị Phương Dung phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0003676 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị Dung đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Nơi nhận:
- Chị Đoàn Thị Phương Dung;
- Lưu VPTAND huyện Vĩnh Tường.

THẨM PHÁN

Kim Văn Quang

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Kim Văn Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Thông **Lê Xuân Tầm** **Kim Văn Quang**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Thổ Tang (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Kim Văn Quang

Áp dụng các

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử:

1. Cho ông Nguyễn Hồng Đào được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng Lê.

2. Về con chung: Bà Đỗ Thị Hồng Lê được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt Hoàng, sinh ngày 29/11/2008 (hiện cháu đang ở với bà Lê). Ông Đào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà Lê cho cháu Hoàng với mức 1.500.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu Hoàng đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Đào phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Đào còn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Kim Văn Quang

I.VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG

1.Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án:

***Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:**

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án.

***Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:**

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2.Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Qua tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, khẳng định thửa đất 87,1 m^2 tại thửa số 117 tờ bản đồ số 55 ở thôn Bắc Cường, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc có tên trong sổ mục kê lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Thổ Tang, huyện Vĩnh Lạc, phần đất này đứng tên ông Lê Văn Ngọc.

Theo quy định tại Nghị định 404 – CP ngày 09/11/1979, quy định về chức năng nhiệm vụ và tổ chức của Tổng cục quản lý ruộng đất của Hội Đồng Chính Phủ; Quyết định số 201 – CP ngày 01/7/1980 của Hội Đồng Chính Phủ về thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước; Khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 18 Nghị Định 43/2014/NĐ – CP quy định chi tiết một số Điều của Luật đất đai, hộ gia đình, cá nhân; Điều 20 thông tư liên tịch số 24 ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định về hồ sơ địa chính thì khẳng định phần diện tích 87,1 m^2 mà các bên đương sự đang tranh chấp vào thời điểm năm 1976 là thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn Ngọc.

Năm 1979 ông Lê Văn Ngọc và vợ là chị Vũ Thị Doãn đã chuyển nhượng phần diện tích 87,1 m^2 mà các bên đương sự đang tranh chấp cho bà Vũ Thị Đào là sự thực, việc chuyển nhượng là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, mặc dù việc chuyển nhựng này chỉ thể hiện bằng giấy viết tay không công chứng, chứng thực. Do vậy cần phải công nhận việc chuyển nhượng này.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+)Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết là đề nghị Tòa án xác định 87,1 m^2 đất là tài sản của bà.

+) Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Vũ Thị Đào là buộc bà Lê Thị Tuyết phải trả lại cho bà Vũ Thị Đào 87,1 m^2 đất ở thôn Bắc Cường.

+) Bà Tuyết phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.